

Số: *154*/QĐ-UBND

Hưng Yên, ngày *30* tháng 6 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc quy định mức giá tạm thời đối với dịch vụ xét nghiệm SARS-CoV-2
tại các đơn vị sự nghiệp y tế công lập trên địa bàn tỉnh Hưng Yên**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật phòng chống bệnh truyền nhiễm ngày 21/11/2007;

Căn cứ Luật khám, chữa bệnh ngày 23/6/2009;

Căn cứ Luật giá ngày 24/6/2012;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 85/2012/NĐ-CP ngày 15/10/2012 quy định về cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp y tế công lập và giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập; số 16/2015/NĐ-CP ngày 31/8/2012 quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập; số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Y tế: Số 37/2018/TT-BYT ngày 30/11/2018 quy định mức tối đa khung giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước; số 14/2019/TT-BYT ngày 05/7/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 37/2018/TT-BYT ngày 30/11/2018;

Căn cứ các Quyết định của Bộ Y tế: Số 1436/QĐ-BYT ngày 04/3/2021 về việc ban hành tạm thời định mức kinh tế kỹ thuật làm cơ sở xây dựng giá dịch vụ “Xét nghiệm SARS-CoV-2 bằng kỹ thuật Realtime RT-PCR từ bệnh phẩm dịch hầu họng (Cho mẫu đơn); số 1817/QĐ-BYT ngày 07/4/2021 về Ban hành hướng dẫn tạm thời việc gộp mẫu xét nghiệm SARS-CoV-2;

Căn cứ Công văn số 4356/BYT-KHTC ngày 28/5/2021 của Bộ Y tế về hướng dẫn mức giá thanh toán chi phí thực hiện xét nghiệm Covid-19;

Căn cứ Nghị quyết số 290/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên về quy định mức giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước thuộc tỉnh Hưng Yên quản lý;

Căn cứ Nghị quyết số 15/2021/NQ-HĐND ngày 30/6/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức giá tạm thời đối với dịch vụ xét nghiệm SARS-CoV-2 tại các đơn vị sự nghiệp y tế công lập trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ Công điện số 1093/CT-UBND ngày 28/5/2021 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc chủ động các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19;

Căn cứ Công văn số 380-CV/VPTU ngày 10/6/2021 của Văn phòng Tỉnh ủy Hưng Yên thông báo ý kiến kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc quy định mức giá tạm thời đối với dịch vụ xét nghiệm SARS-CoV-2 tại các đơn vị sự nghiệp y tế công lập trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế và Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 975/TTrLN: YT-TC ngày 31/5/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định mức giá tạm thời đối với dịch vụ xét nghiệm SAR-CoV-2 để thực hiện thu giá và thực hiện đặt hàng dịch vụ đối với các cơ sở y tế có năng lực xét nghiệm SAR-CoV-2 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên, cụ thể như sau:

1. Mức giá tạm thời dịch vụ xét nghiệm SAR-CoV-2; chi tiết theo Phụ lục đính kèm (Mức giá này là mức giá tối đa để thực hiện việc thu giá dịch vụ và đặt hàng dịch vụ đối với các cơ sở y tế có năng lực xét nghiệm SAR-CoV-2 bằng kỹ thuật Realtime RT-PCR từ bệnh phẩm dịch ty hầu/dịch hầu họng).

2. Trường hợp mẫu gộp phát hiện dương tính phải tiếp tục làm các xét nghiệm mẫu đơn thì chi phí thực hiện xét nghiệm được tính tiếp theo trường hợp mẫu đơn nhưng không tính chi phí lấy và bảo quản bệnh phẩm.

3. Căn cứ tình hình dịch bệnh, dựa trên đánh giá dịch tễ và các yếu tố liên quan, cơ quan chuyên môn y tế xem xét quyết định việc gộp mẫu xét nghiệm để đảm bảo chất lượng xét nghiệm.

4. Mức giá tạm thời nêu trên được thực hiện đến khi Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành mức giá theo quy định (sau khi Bộ Y tế ban hành mức giá xét nghiệm SAR-CoV-2 bằng kỹ thuật Real-time PCR).

Điều 2. Giao Sở Y tế chủ trì, hướng dẫn triển khai áp dụng mức giá tạm thời đảm bảo đúng quy định của pháp luật và kịp thời phục vụ công tác phòng chống dịch Covid-19.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu VT, TH^{NA}.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Duy Hưng

PHỤ LỤC
MỨC GIÁ TẠM THỜI DỊCH VỤ XÉT NGHIỆM SARS-CoV-2
(Kèm theo Quyết định số 1511/QĐ-UBND ngày 30/6/2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Danh mục	Mức giá tạm thời (đồng)
I	Đối với đơn vị vừa thực hiện lấy và bảo quản bệnh phẩm; vừa thực hiện xét nghiệm tại đơn vị	
1	Mức giá xét nghiệm/01 người làm mẫu đơn	734.000
2	Mức giá xét nghiệm/01 bệnh phẩm làm mẫu gộp 2 (tối thiểu 32 mẫu gộp)	834.000
3	Mức giá xét nghiệm/01 bệnh phẩm làm mẫu gộp 3 (tối thiểu 48 mẫu gộp)	934.000
4	Mức giá xét nghiệm/01 bệnh phẩm làm mẫu gộp 4 (tối thiểu 64 mẫu gộp)	1.034.000
5	Mức giá xét nghiệm/01 bệnh phẩm làm mẫu gộp 5 (tối thiểu 80 mẫu gộp)	1.134.000
6	Mức giá xét nghiệm/01 bệnh phẩm làm mẫu gộp 6 (tối thiểu 96 mẫu gộp)	1.234.000
7	Mức giá xét nghiệm/01 bệnh phẩm làm mẫu gộp 7 (tối thiểu 112 mẫu gộp)	1.334.000
8	Mức giá xét nghiệm/01 bệnh phẩm làm mẫu gộp 8 (tối thiểu 128 mẫu gộp)	1.434.000
9	Mức giá xét nghiệm/01 bệnh phẩm làm mẫu gộp 9 (tối thiểu 144 mẫu gộp)	1.534.000
10	Mức giá xét nghiệm/01 bệnh phẩm làm mẫu gộp 10 (tối thiểu 160 mẫu gộp)	1.634.000
II	Đối với đơn vị chỉ thực hiện lấy và bảo quản bệnh phẩm	
1	Mức giá xét nghiệm/01 người làm mẫu đơn	117.800
2	Mức giá xét nghiệm/01 bệnh phẩm làm mẫu gộp 2 (tối thiểu 32 mẫu gộp)	200.000
3	Mức giá xét nghiệm/01 bệnh phẩm làm mẫu gộp 3 (tối thiểu 48 mẫu gộp)	300.000
4	Mức giá xét nghiệm/01 bệnh phẩm làm mẫu gộp 4 (tối thiểu 64 mẫu gộp)	400.000
5	Mức giá xét nghiệm/01 bệnh phẩm làm mẫu gộp 5 (tối thiểu 80 mẫu gộp)	500.000
6	Mức giá xét nghiệm/01 bệnh phẩm làm mẫu gộp 6 (tối thiểu 96 mẫu gộp)	600.000
7	Mức giá xét nghiệm/01 bệnh phẩm làm mẫu gộp 7 (tối thiểu 112 mẫu gộp)	700.000
8	Mức giá xét nghiệm/01 bệnh phẩm làm mẫu gộp 8 (tối thiểu 128 mẫu gộp)	800.000
9	Mức giá xét nghiệm/01 bệnh phẩm làm mẫu gộp 9 (tối thiểu 144 mẫu gộp)	900.000
10	Mức giá xét nghiệm/01 bệnh phẩm làm mẫu gộp 10 (tối thiểu 160 mẫu gộp)	1.000.000
III	Đối với đơn vị chỉ thực hiện xét nghiệm tại đơn vị	
1	Mức giá xét nghiệm/01 người làm mẫu đơn	616.200
2	Mức giá xét nghiệm/01 bệnh phẩm làm mẫu gộp 2 (tối thiểu 32 mẫu gộp)	634.000
3	Mức giá xét nghiệm/01 bệnh phẩm làm mẫu gộp 3 (tối thiểu 48 mẫu gộp)	634.000
4	Mức giá xét nghiệm/01 bệnh phẩm làm mẫu gộp 4 (tối thiểu 64 mẫu gộp)	634.000
5	Mức giá xét nghiệm/01 bệnh phẩm làm mẫu gộp 5 (tối thiểu 80 mẫu gộp)	634.000
6	Mức giá xét nghiệm/01 bệnh phẩm làm mẫu gộp 6 (tối thiểu 96 mẫu gộp)	634.000
7	Mức giá xét nghiệm/01 bệnh phẩm làm mẫu gộp 7 (tối thiểu 112 mẫu gộp)	634.000
8	Mức giá xét nghiệm/01 bệnh phẩm làm mẫu gộp 8 (tối thiểu 128 mẫu gộp)	634.000
9	Mức giá xét nghiệm/01 bệnh phẩm làm mẫu gộp 9 (tối thiểu 144 mẫu gộp)	634.000
10	Mức giá xét nghiệm/01 bệnh phẩm làm mẫu gộp 10 (tối thiểu 160 mẫu gộp)	634.000
IV	Mức giá dịch vụ xét nghiệm virus SARS-CoV-2 bằng test nhanh kháng nguyên	
1	Giá xét nghiệm/01 người/01 lần xét nghiệm (Áp dụng từ 01/7/2021)	238.000